

Nhận diện giá trị di sản kiến trúc công trình công cộng các làng nghề truyền thống tại Hà Nội

Identifying the architectural heritage value of buildings in traditional craft villages in Hanoi

> KTS LÊ TRỊNH HỒNG ĐỨC

Email: letrinhhongducktsvn@gmail.com

TÓM TẮT

Hà Nội, thủ đô của Việt Nam, là một vùng đất nghìn năm văn hiến, có bề dày lịch sử và văn hóa lâu đời. Gắn với lịch sử phát triển của dân tộc, nơi đây đã hình thành các làng nghề truyền thống qua nhiều trăm năm. Các làng nghề truyền thống đã và đang góp phần quan trọng vào truyền thống văn hóa và sự phát triển của TP Hà Nội. Những làng nghề truyền thống không chỉ là nơi sản xuất các sản phẩm thủ công mỹ nghệ độc đáo mà còn là nơi lưu giữ các giá trị văn hóa, truyền thống và lịch sử của Hà Nội nói riêng và của dân tộc Việt Nam nói chung. Tuy nhiên, trong quá trình đô thị hoá và công nghiệp hoá, nhiều làng nghề truyền thống của Hà Nội đang dần mai một về giá trị văn hóa kiến trúc do thiếu sự quan tâm và bảo tồn thích đáng. Sự phát triển du lịch, dịch vụ đã và đang làm thay đổi cảnh quan, cấu trúc không gian và các giá trị văn hoá, kiến trúc, xã hội, môi trường các làng nghề truyền thống của Hà Nội, khiến cho việc bảo tồn, duy trì và phát huy các giá trị văn hoá, di sản kiến trúc trở nên khó khăn hơn trong giai đoạn hiện nay. Vì vậy, mục tiêu nghiên cứu của bài báo là tập trung nhận diện ra các giá trị di sản kiến trúc công trình công cộng các làng nghề truyền thống của Hà Nội. Từ đó làm cơ sở phục vụ cho công tác quản lý nghiên cứu bảo tồn, giữ gìn và quản lý các công trình di sản kiến trúc tại các làng nghề truyền thống tại Hà Nội trong thời gian tới.

Từ khóa: Làng nghề truyền thống; di sản kiến trúc; TP Hà Nội.

ABSTRACT

Hanoi, the capital of Vietnam, has been a land of civilization for thousands of years, with a long-standing history and culture. Along with ethnicity's historical development, this land has formed many traditional handicraft villages over hundreds of years. These handicraft villages had and have been contributing essential parts to conventional culture and the development of the city of Hanoi. Not only are the traditional villages the production sites of unique and excellent handicrafts, but the villages are also places to preserve cultural and traditional values and the history of Hanoi in particular and of the Vietnamese people as a whole. However, within the process of urbanization and industrialization, many traditional handicraft villages of Hanoi have to face diminishing cultural architectural values due to a lack of care and proper conservation. The development of tourism and services has been transforming the landscape and spatial structure as well as the cultural, architectural, social, and environmental values of traditional craft villages in Hanoi. This makes the preservation, maintenance, and promotion of cultural values and architectural heritage more difficult in the current period. Therefore, the goal of the research is to concentrate on recognizing the architectural heritage values of community building of Hanoi's traditional handicraft villages, thereby setting the foundation to service the management operation of researching conserving, maintaining, and managing the building of architectural heritage at these traditional handicraft villages in Hanoi for the foreseeable future.

Keywords: Traditional handicraft villages; architectural heritage; Hanoi city

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hiện nay, theo Sở NN&PTNT Hà Nội, thì TP Hà Nội có 1.350 làng nghề truyền thống (LNTT) và làng có nghề. Trong đó 327 làng nghề, LNTT đã được Nhà nước công nhận, thuộc địa bàn của 24 quận, huyện, thị xã của TP Hà Nội, trong đó có 268 làng được công nhận danh hiệu làng nghề, 59 làng được công nhận danh hiệu LNTT.

Việc bảo tồn, phát huy các giá trị văn hoá (GTVH) truyền thống nói chung và các giá trị kiến trúc (GTKT) của các LNTT luôn được các cấp lãnh đạo TP Hà Nội quan tâm, coi trọng và cụ thể

hoá trong nhiều nghị quyết, chương trình, đề án. Tiêu biểu như Chương trình số 06-CT/TU của Thành uỷ về "Phát triển văn hoá, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, xây dựng người Hà Nội thanh lịch, văn minh giai đoạn 2021-2025"; Nghị quyết số 09-NQ/TU của Thành uỷ Hà Nội về "Phát triển công nghiệp văn hoá trên địa bàn Thủ đô giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045", ...

Lĩnh vực bảo tồn giá trị di sản (GTDS), hiện nay chúng ta phải thừa nhận rằng việc nhận diện các GTDS là công việc khó khăn, phức tạp

liên quan đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực khoa học. Các di sản kiến trúc (DSKT) phức tạp nhất là sự trùng lớp nhiều dấu ấn kiến trúc, lịch sử qua các thời kỳ và hơn nữa vật liệu xây dựng các công trình kiến trúc của cha ông chúng ta chủ yếu là làm từ vật liệu tự nhiên như gỗ, đá, đất nung, ... có tuổi thọ không cao thường phải thay thế hoặc trùng tu. Do vậy, công trình DSKT mang trong mình các bộ phận kiến trúc thuộc nhiều thời kỳ (Lý, Trần, Lê, Nguyễn, ...). Trong công tác bảo tồn, nhận diện GTDS có các quan điểm khác nhau đến từ từng nhóm, từng chuyên gia, nhà khoa học khác nhau mặc dù đã có các nguyên tắc trong bảo tồn mà Việt Nam tham gia và được quốc tế thừa nhận như: Hiến chương Athens (1931); Hiến chương Venice (1964); Hiến chương Burra (1979); Hiến chương Washington (1987); Văn kiện Nara (1994); Hiến chương về bảo vệ và quản lý di sản khảo cổ học (1990); Hiến chương về Di sản xây cất Bản xứ (1999). Đối với Việt Nam chúng ta cũng đã xây dựng hệ thống pháp lý, lý luận như: Luật di sản văn hoá; Luật Kiến trúc. Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc; Quyết định số 801/QĐ-TTg về phê duyệt Chương trình bảo tồn và phát triển làng nghề Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030; Quy chế về bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh (ban hành kèm theo Quyết định số 05/2003/QĐ-BVHTT ngày 06/02/2003 của Bộ Văn hóa - Thông tin); Luật Thủ đô; Tuy nhiên, trong quá trình áp dụng vẫn có những cách hiểu khác nhau gây tranh cãi, bởi những văn kiện, hiến chương, luật, quy chế đó cũng vẫn là các nguyên tắc chung cơ bản, với điều kiện bối cảnh của mỗi quốc gia, vùng lãnh thổ, mỗi trường hợp cần có sự vận dụng khác nhau cho phù hợp, chưa kể đến việc nhận thức khác nhau của chủ sở hữu và công đồng dân cư nơi có di tích, di sản.

Việc nhận diện giá trị DSKT của các LNTT tại Hà Nội là cần thiết nhằm bảo tồn và phát huy các giá trị DSKT của các LNTT của Hà Nội trong giai đoạn hiện nay. Nhận diện giá trị di sản nhằm đánh giá một cách khoa học và khách quan về các giá trị của DSKT trong các LNTT, từ đó đề xuất xây dựng một hệ thống tiêu chí đánh giá và đưa ra các giải pháp chủ yếu nhằm bảo tồn, phát huy, phát triển bền vững và kết hợp hài hòa giữa truyền thống và hiện đại của các LNTT trên địa bàn TP Hà Nội. Điều này không chỉ có ý nghĩa quan trọng đối với việc duy trì bản sắc văn hóa của Hà Nội mà còn góp phần vào sự phát triển kinh tế, du lịch và xã hội của thành phố trong giai đoạn hiện nay.

Nghiên cứu đã tập trung vào nhận diện giá trị DSKT là các công trình kiến trúc công cộng truyền thống, bao gồm: Đình làng, chùa làng, đền thờ tổ nghề, ... đây là những công trình DSKT có giá trị cần quan tâm bảo tồn bền vững trong các làng xã truyền thống tại Hà Nội.

Nghiên cứu sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau: 1/. *Phương pháp sưu tầm, tổng hợp*: Sưu tầm, tổng hợp các tài liệu, dữ liệu từ các công trình nghiên cứu về LNTT để đưa vào nghiên cứu; 2/. *Phương pháp phân tích, thống kê, so sánh*: Phân tích các tài liệu, tư liệu để tổng hợp thông tin, kết hợp phương pháp thống kê xử lý và khai thác đưa vào làm luận cứ cho công tác nghiên cứu; 3/. *Phương pháp kế thừa, chọn lọc*: Chọn lọc và kế thừa các kết quả nghiên cứu của các công trình khoa học trong nước và quốc tế có liên quan trực tiếp đến chủ đề nghiên cứu; 4/. *Phương pháp khảo sát, điều tra thực địa*: Quan sát, chụp ảnh, phỏng vấn cư dân, người quản lý, nghệ nhân tại các LNTT tiêu biểu. Thông qua tài liệu và số liệu thu được, từ đó phân tích thực trạng, nhận diện các giá trị DSKT công cộng LNTT Hà Nội; 5/. *Phương pháp chuyên gia*: Lấy ý kiến đóng góp của các chuyên gia trong lĩnh vực liên quan, viện nghiên cứu, trường đại học, hiệp hội ngành, ... thông qua các hội thảo chuyên đề, hội thảo mở rộng.

2. THỰC TRẠNG CÁC CÔNG TRÌNH DSKT CÔNG CỘNG CÁC LNTT TẠI HÀ NỘI

2.1. Sơ lược sự hình thành và phát triển các LNTT tại Hà Nội

Làng nghề truyền thống của Hà Nội đã được hình thành và phát triển qua nhiều thế kỷ (khoảng 1000 năm). Hà Nội là nơi tập trung nhiều LNTT do hội tụ nhiều yếu tố thuận lợi, tinh hoa của các vùng miền trong cả nước. Trong lịch sử, Hà Nội là kinh đô của nhiều triều đại phong kiến Việt Nam, nơi tập trung của quyền lực chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội qua nhiều chế độ khác nhau, do vậy, các yếu tố nêu trên đã thúc đẩy sự phát triển của nhiều ngành nghề thủ công để phục vụ cho hoàng cung, giới quý tộc cũng như người dân các khu vực xung quanh.



Hình 1. Làng Bát Tràng, bên bờ sông Hồng Hà

Hai yếu tố quan trọng để một làng nghề có thể tồn tại và phát triển cho đến ngày nay là gắn với nguồn nguyên liệu tại chỗ và thuận lợi với giao thông đường thủy [8]. Vậy nên, với vị trí địa lý thuận lợi mà cụ thể là gần sông Hồng và là trung tâm của vùng Đồng bằng Bắc Bộ (ĐBBB) đã tạo điều kiện cho các LNTT hình thành và phát triển giao thương, trao đổi hàng hóa và nguyên liệu. Hơn nữa, sự phát triển của một đô thị lớn như Thủ đô Hà Nội kéo theo nhu cầu đa dạng về các sản phẩm tiêu dùng, trang trí và các đồ vật phục vụ sinh hoạt hàng ngày cũng tạo điều kiện cho các làng nghề thủ công phát triển mạnh mẽ (hình 1).

Quá trình hình thành và phát triển của các LNTT tại Hà Nội là minh chứng cho sự sáng tạo, kiên trì của người dân qua nhiều thế hệ. Dù phải đối mặt với nhiều thách thức như quá trình đô thị hóa, sự thay đổi về nhu cầu thị trường và công nghệ, các làng nghề vẫn duy trì được bản sắc riêng và phát triển, đóng góp quan trọng vào việc bảo tồn văn hóa, lịch sử của thành phố.

2.2. Thực trạng các công trình DSKT công cộng

Qua khảo sát 07 LNTT tiêu biểu của Hà Nội bao gồm có 5 làng nghề trong khu vực nội thành (làng lụa Vạn Phúc, làng kim hoàn Định Công, làng đúc đồng Ngũ Xã, làng gốm sứ Bát Tràng và làng gốm Kim Lan) và 2 làng khu vực ngoại thành (Làng mây tre đan Phú Vinh và làng hương Quảng Phú Cầu). Chúng ta nhận thấy:

LNTT có lịch sử hình thành và phát triển lâu đời ở những làng có dựa trên hai yếu tố cơ bản là vùng nguyên liệu và giao thông, mà đường thủy là chính, như Làng gốm Bát Tràng bên dòng Hồng Hà có lịch sử hơn 1000 năm, Làng kim hoàn Định Công có cách đây 1500 năm bên bờ sông Tô Lịch, Làng lụa Vạn Phúc ven sông Nhuệ Giang đã có tuổi đời hơn 1200 năm có lẽ... (bảng 1)

Bảng 1. Khảo sát 07 làng nghề truyền thống Hà Nội và thời gian hình thành

Số TT	Tên làng	Quận/Huyện	Thời gian hình thành
1.	Làng kim hoàn Định Công	Quận Hoàng Mai	Thế kỷ VI - 1500 năm
2.	Làng đúc đồng Ngũ Xã	Quận Ba Đình	Thế kỷ XVII - 400 năm
3.	Làng lụa Vạn Phúc	Quận Hà Đông	Thế kỷ IX - 1200 năm
4.	Làng gốm Bát Tràng	Quận Gia Lâm	Thế kỷ XI - 1000 năm
5.	Làng gốm Kim Lan	Quận Gia Lâm	Thế kỷ VII - 1400 năm
6.	Làng mây tre đan Phú Vinh	Huyện Chương Mỹ	Thế kỷ XVII - 400 năm
7.	Làng hương Quảng Phú Cầu	Huyện Phú Xuyên	Thế kỷ XIX - 100 năm

Các LNTT trong khu vực nội thành Hà Nội thường chịu ảnh hưởng mạnh mẽ từ sự phát triển đô thị và áp lực từ các yếu tố đô thị hóa. Với diện tích hạn chế và áp lực từ sự đô thị hóa, các cơ sở sản xuất truyền thống thường phải chịu sự cắt giảm không gian và đối mặt với nguy cơ bị di dời hoặc đóng cửa. Tuy nhiên, sự đa dạng về ngành nghề vẫn được duy trì, cho thấy sự linh hoạt và sự kiên trì của cộng đồng dân cư làng nghề.

Các DSKT công cộng bao gồm: đình làng, chùa làng, đền thờ tổ nghề ... (đây là không gian trung tâm làng) của các LNTT Hà Nội, có niên đại hàng trăm năm, được người dân xây dựng, gìn giữ và bảo tồn qua nhiều thời kỳ thăng trầm của lịch sử. Các công trình DSKT công cộng thuộc 07 LNTT được khảo sát đều được trùng tu, sửa chữa, bảo tồn vào thời kỳ nhà Nguyễn, một số khác được sửa chữa, trùng tu trong giai đoạn xã hội mới hiện nay (chùa làng Vạn Phúc, đình làng Kim Lan,... hiện tại đang được trùng tu, sửa chữa). Phần lớn các loại hình DSKT công cộng các LNTT đều giữ được hình thái kiến trúc và cảnh quan kiến trúc truyền thống với các giá trị thẩm mỹ và văn hóa đặc trưng của người Việt như đình làng Vạn Phúc, Gốm Bát Tràng, Kim hoàn Định Công,... (hình 2)



Hình 2. Đình làng (1), chùa làng (2), đền thờ mẫu (3) - Làng gốm sứ Bát Tràng



Hình 3. Giếng làng (1), Chùa (2), làng Quảng Phú Cầu

Không gian xưa chỉ còn giếng và ngôi chùa làng (xây tạm trên nền cũ) không có giá trị thẩm mỹ kiến trúc

Tuy vậy, do các yếu tố lịch sử, kinh tế, chiến tranh,... và ý thức của cộng đồng dân cư mà có những làng nghề, khu vực không gian KTDS trung tâm gần như bị lấn chiếm, xóa bỏ hoặc dịch chuyển đến vị trí khác, thay vào đó là đường giao thông, các công trình công cộng mới thậm chí là các nhà ở hộ gia đình, chỉ còn lại những di tích nhỏ, di tích mang yếu tố tâm linh, như làng mây tre đan Phú Vinh, huyện Chương Mỹ có tuổi đời khoảng 400 năm các DSKT công cộng đã không còn tồn tại, làng hương Quảng Phú Cầu, huyện Phú Xuyên, ngôi làng này có tuổi nghề hơn 100 năm, không gian di sản xưa chỉ còn cái giếng làng nằm cạnh đường tỉnh lộ 429, bên kia đường là chùa làng được xây tạm trên nền chùa cũ không có giá trị thẩm mỹ kiến trúc và đình làng được người dân đóng góp xây dựng tại vị trí mới cách vị trí cũ khoảng 1km, ngôi đình được xây dựng bằng vật liệu mới, hình thức kiến trúc đình mang dáng dấp kiến trúc truyền thống (hình 3).

Tóm lại, qua quá trình thăng trầm của lịch sử dân tộc, các DSKT truyền thống tại các làng lịch sử nói chung và LNTT nói riêng luôn được cộng đồng cư dân làng gìn giữ, bảo vệ suốt chiều dài lịch sử hình thành và phát triển của làng, để lại những DSKT quý báu, góp phần quan trọng giữ gìn các GTVH truyền thống, đóng góp vào sự phát triển bền vững của cộng đồng.

3. ĐẶC TRƯNG DSKT TẠI LNTT

LNTT có cấu trúc không gian bao gồm các thành tố cấu thành là không gian văn hóa vật thể và không gian văn hóa phi vật thể tác động qua lại mà hình thành. Hai thành tố này biểu hiện sinh động và chân thực đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội đặc trưng của cộng đồng làng xã nông thôn vùng ĐNBĐ qua sinh hoạt văn hóa, cộng đồng, đời sống tôn giáo - tín ngưỡng của cư dân các làng nghề.

Các công trình DSKT với những đặc điểm kiến trúc truyền thống độc đáo biểu hiện ở những tính chất: Tính truyền thống dân tộc đặc trưng; phong cách kiến trúc giản dị, khiêm tốn; vị trí địa hình kết hợp thiên nhiên; bố cục tương xứng, hài hòa; màu sắc trang trí đẹp mắt; khai thác sử dụng vật liệu địa phương. Cùng với không gian cảnh quan gắn liền, không gian sản xuất, kinh doanh buôn bán. Các công trình kiến trúc trong cấu trúc không gian LNTT chứa đựng những giá trị văn hóa - lịch sử, mang tính biểu hiện cao, thể hiện đầy đủ các tính chất đặc trưng của văn hóa làng nghề là: tính cộng đồng, tính tự trị, đời sống văn hóa, tôn giáo - tín ngưỡng (hình 4).



Đình làng Bát Tràng
(không gian văn hóa vật thể)

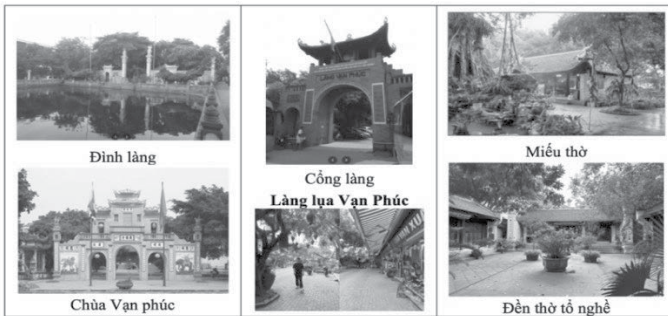
Hội làng Bát Tràng
(không gian văn hóa phi vật thể)

Hình 4. Đình làng Bát tràng và Hội làng Bát Tràng

Cấu trúc không gian làng nghề và các yếu tố cấu thành đã góp phần quan trọng trong việc tạo lập diện mạo LNTT và giữ gìn bản sắc văn hóa truyền thống dân tộc, còn là một trong những yếu tố đảm bảo cho sự cân bằng sinh thái, cải thiện môi trường. Các không gian đặc trưng LNTT Hà Nội: Không gian sản xuất nông nghiệp; cây đa, cổng làng; đường làng ngõ xóm; không gian văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng (đây là không gian trung tâm làng bao gồm: đình, chùa, đền ...); giếng nước, ao làng; không gian ở, sản xuất nghề thủ công.

LNTT Hà Nội với những giá trị văn hoá truyền thống ẩn chứa trong cảnh quan quen thuộc của làng, xã vùng ĐNBĐ: Cổng làng, đình làng, cây đa bến nước, đền thờ tổ nghề, nhà ở cổ truyền hàng trăm năm tuổi hay trong từng sản phẩm thủ công mỹ nghệ tinh xảo được lưu truyền qua bao thế hệ, và chịu tác động mạnh mẽ của quá trình đô thị hóa và nền kinh tế thị trường. LNTT khác với những làng thuần nông khác là không gian ở và sinh hoạt kết hợp cùng với không gian sản xuất, làm nghề. Văn hóa ở, sinh hoạt luôn thống nhất và song hành cùng văn hóa sản xuất, văn hóa nghề, văn hóa giao thương.

Như vậy, các DSKT trong LNTT bao gồm: Đình làng, chùa làng, đền thờ tổ nghề,... và các công trình nhà ở, bếp, nhà phụ sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ có hình thái kiến trúc cổ truyền đậm đà bản sắc dân tộc được hình thành bởi sự hài hòa nhất thể của 3 yếu tố cơ bản là thiên nhiên, con người và xã hội với với 6 yếu tố cơ bản sau: *Tính dân tộc và tính địa phương; hình thức kiến trúc nhẹ nhàng, khiêm tốn, giản dị, thoáng đạt; gắn kết và hài hòa với môi trường cảnh quan; bố cục hài hòa cân xứng; màu sắc hài hòa, đẹp mắt giàu tính văn hóa dân gian; sử dụng chủ yếu vật liệu địa phương* (hình 5).



Hình 5. Các di sản kiến trúc công cộng đặc trưng của LNTT

4. NHẬN DIỆN GIÁ TRỊ DSKT CÔNG CỘNG Ở CÁC LNTT TẠI HÀ NỘI

Từ các nhận định về các loại hình kiến trúc công trình công cộng của LNTT đã nêu ở trên. Để công tác bảo tồn, phát huy giá trị các DSKT trong LNTT theo hướng bền vững. Theo tác giả, chúng ta cần phải nhận diện được 07 giá trị cốt lõi bao gồm: *Giá trị niên đại; giá trị sử dụng; giá trị văn hóa*

Bảng 2. Niên đại các DSKT công cộng truyền thống của 07 LNTT Hà Nội

SỐ TT	Tên làng nghề/ Di sản	Niên đại	Chú thích
1.	Làng kim hoàn Định Công		
	Đình làng	Thế kỷ XVII	400 năm
	Đền thờ tổ nghề	Thế kỷ VI	1500 năm
	Chùa Thiên Phúc Tự	Thế kỷ XVIII	300 năm
2.	Làng đúc đồng Ngũ Xã		
	Đình làng	Thế kỷ XVIII	228 năm, xây dựng năm 1796
	Chùa Ngũ Xã-Thần Quang Tự	Thế kỷ XVIII	Xây dựng lại năm 1952
3.	Làng lụa Vạn Phúc		
	Đình làng	Thế kỷ XV	600 năm; xây dựng lại năm 1880, 145 năm
	Đền Cửi-Đền thờ tổ nghề	Thế kỷ IX	1100 năm
	Chùa Vạn Phúc	Thế kỷ XVIII	300 năm
	Miếu thờ Thành hoàng	Thế kỷ IIX	1200 năm, thờ A Lã Đê Nương
	Nhà lưu niệm Bác Hồ	Thế kỷ XX	80 năm; xây dựng năm 1941-1942
4.	Làng gốm Bát Tràng		
	Đình Bát Tràng	Thế kỷ XVIII	Xây dựng năm 1720; 304 năm
	Đền Mẫu	Thế kỷ XVI	500 năm; trùng tu thời Vua Thành Thái, nhà Nguyễn.
	Chùa Kim Trúc (chùa Bát)	Thế kỷ XIV	600 năm; hạ giải, di dời XD lại năm 1942
	Văn chỉ làng Bát Tràng	Thế kỷ XVI	500 năm; trùng tu lớn năm 2011-2016
5.	Làng gốm Kim Lan		
	Đình Kim Lan	Thế kỷ XV	500 năm, xây dựng lại năm 2006-2009; 15 năm
	Chùa Kim Lan - Linh Ứng Tự	Thế kỷ XVIII	200 năm, năm Bảo Đại thứ 8, 1933 trùng tu lớn; năm 1951 XD nhà mẫu chùa; năm 1995 xây dựng nhà tổ; năm 2002 xây dựng lại nhà mẫu.
6.	Làng mây tre đan Phú Vinh		Không có DSKT công cộng
7.	Làng hương Quảng Phú Cầu		Không còn DSKT công cộng

Tuy nhiên, do biến động các thời kỳ lịch sử, xã hội (chiến tranh, chia cắt, suy thoái về kinh tế - xã hội), sự tàn phá của tự nhiên (gió bão, lũ lụt) và tuổi thọ vật liệu xây dựng, ... dẫn đến các công trình đình, đền, chùa nhiều làng nghề không còn hoặc mới xây dựng lại, các công trình này có công trình do được nghiên cứu, phục dựng dựa trên các tài liệu, thư tịch cổ, tâm thức lưu truyền trong cộng đồng dân cư làng một cách khoa học, cùng với điều kiện kinh tế mà phục dựng, xây dựng lại di sản rất có giá trị về kiến trúc và thẩm mỹ đậm nét truyền thống và hơi thở đương đại như việc kết hợp vật liệu mới với vật liệu truyền thống (đình làng gốm cổ Kim Lan, chùa Ngũ Xã). Cũng có làng các công trình kiến trúc công cộng truyền thống bị mai một và không còn nữa (làng hương Quận Phú Cầu), một số LNTT như làng mây tre đan Phú Vinh có tuổi đời trên 100 năm vào

xã hội; giá trị về tinh nguyên bản; giá trị thẩm mỹ kiến trúc; giá trị về kỹ thuật và vật liệu xây dựng; giá trị về cảnh quan và tạo lập môi trường sinh thái.

4.1. Giá trị niên đại

Các LNTT quanh khu vực Hà Nội chủ yếu hình thành để phục vụ cho nhu cầu phát triển kinh tế của Kinh thành Thăng Long, tức là cách đây khoảng 1000 năm. Nhu cầu đa dạng về các sản phẩm tiêu dùng, trang trí, và các đồ vật phục vụ sinh hoạt hàng ngày, tạo điều kiện cho các làng nghề thủ công phát triển. Do vậy, giá trị về niên đại thể hiện qua thời điểm xây dựng, ứng với các thời kỳ và giai đoạn lịch sử phát triển của dân tộc nói chung và cộng đồng dân cư làng xã nói riêng trong quá trình hình thành phát triển.

Các công trình kiến trúc công cộng truyền thống còn tồn tại đến ngày nay đều mang trong mình các yếu tố văn hóa truyền thống, nhờ quá trình tu tạo, sửa chữa, tái tạo, bổ sung giữ gìn từ đời này qua đời khác, từ thế hệ này qua thế hệ khác mà lưu lại được các giá trị về lịch sử, văn hóa, giá trị thẩm mỹ kiến trúc, ... , mặc dù đã trải qua hàng nghìn năm như chùa, đền thờ tổ nghề làng kim hoàn Định Công, làng lụa Vạn Phúc, ... hàng trăm năm như đình làng gốm Bát Tràng.

thời kỳ xã hội nửa phong kiến nên không có loại hình công trình này (bảng 2).

Tóm lại, các công trình DSKT công cộng các LNTT hình thành, tồn tại song hành cùng quá trình thăng trầm của làng nghề nói riêng và lịch sử đất nước, dân tộc nói chung, mà tạo nên các *giá trị theo thời gian của di sản*, bao gồm *giá trị khởi dựng di sản và giá trị thời gian lịch sử của công trình*. Các giá trị này là các giá trị của sự bắt đầu và quá trình phát triển cộng gộp qua các giai đoạn lịch sử mà DSKT tồn tại. Như vậy: *Giá trị khởi dựng của di sản* là các giá trị về không gian và thời gian gắn bó với sự kiện lịch sử, nhân vật lịch sử và danh nhân trong mọi thời kỳ; *giá trị thời gian lịch sử của công trình* là giá trị về "cuộc đời" của công trình kiến trúc mà nó mang đến thế hệ này những tồn "hiện tại" đã qua.

4.2. Giá trị sử dụng

Kiến trúc công cộng truyền thống không chỉ có ý nghĩa về mặt lịch sử mà còn đáp ứng nhu cầu sử dụng của cộng đồng hiện tại. Thời xưa, đây là nơi diễn ra các sinh hoạt văn hóa, tín ngưỡng, lễ hội và giao lưu cộng đồng, đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì mối quan hệ xã hội và bản sắc địa phương. Cùng với sự phát triển về kinh tế và xã hội, không gian và công năng sử dụng của một số công trình công cộng đã có sự biến đổi hoặc bổ sung các chức năng mới để phù hợp với nhu cầu sử dụng hiện nay.

Tại 07 LNTT của Hà Nội tiêu biểu được khảo sát, các công trình ĐSKT công cộng hiện nay đóng một vai trò rất quan trọng trong đời sống lao động sản xuất, sinh hoạt của người dân (hình 6):

Nơi sinh hoạt văn hóa của làng	Nơi thờ thần hoàng làng	Nơi giải quyết các vấn đề xã hội
Lễ hội truyền thống hàng năm làng nghề gốm sứ Bát Tràng	Lễ dâng hương các Thần hoàng làng nghề gốm sứ Bát Tràng	Giáo dục về truyền thống hiếu học làng nghề gốm sứ Bát Tràng

Hình 6. Giá trị về chức năng sử dụng, văn hóa, xã hội của di sản công trình công cộng - Đình làng Bát Tràng

Về đình làng: Trước kia đình làng được coi như biểu tượng quyền lực của làng xã, với 04 chức năng chính, gồm: nơi làm việc của chính quyền cơ sở, thờ Thành hoàng, giải quyết các vấn đề của xã hội và là nơi sinh hoạt văn hóa của làng quê. Ngày nay đình làng LNTT có 03 chức năng sử dụng chính: Nơi thờ Thành hoàng làng; giải quyết các vấn đề xã hội; sinh hoạt văn hóa của làng.

Chùa làng: Nơi thờ tự, hành lễ của đạo Phật; nơi sinh hoạt tôn giáo của người dân địa phương; nơi sinh hoạt lễ hội văn hóa truyền thống của làng; nơi bảo tồn, lưu giữ các bản sắc văn hóa nghệ thuật dân gian, nghệ thuật nghề.

Đền thờ tổ nghề, miếu thờ: Nơi hành lễ, tưởng nhớ, thể hiện sự biết ơn những vị sáng lập, mở mang tri thức nghề cho cư dân; nơi di dưỡng đạo lý "Uống nước nhớ nguồn", "Ăn quả nhớ kẻ trồng cây",...

Ngoài các *giá trị sử dụng* của các ĐSKT công cộng trong các LNTT nêu trên, ngày nay các di sản này còn có *giá trị phát sinh* như: sử dụng là cơ sở để giáo dục, nghiên cứu về cấu trúc kiến trúc, văn hóa nghề làng nghề; góp phần thúc đẩy, phát triển văn hóa nghề, sản phẩm nghề, du lịch địa phương.

4.3. Giá trị văn hóa, xã hội

Thiết chế văn hóa, tín ngưỡng truyền thống: đình, chùa, đền,..., các LNTT Hà Nội có giá trị văn hóa, xã hội vô cùng to lớn bao gồm các giá trị: Phản ánh diện mạo văn hóa của làng; thể hiện chất lượng cuộc sống, nhu cầu hưởng thụ các giá trị vật chất và tinh thần; tài nghệ sáng tạo của người dân làng nghề; trình độ phát triển trong từng giai đoạn, thời kỳ lịch sử cụ thể về mỹ thuật, kiến trúc, văn hóa, giáo dục, lịch sử; là nơi kích thích, khơi mào cho các ý tưởng, khát vọng sáng tạo; nơi truyền bá, lan tỏa những sản phẩm nghề, sản phẩm văn hóa nghề; nơi người dân trình diễn, sinh hoạt nghệ thuật, kỹ thuật dân gian truyền thống; duy trì khả năng bảo tồn, giữ gìn, phát huy các GTVH truyền thống làng nghề (hình 6).

Các giá trị về văn hóa và xã hội được thể hiện ở *khả năng thu hút cộng đồng* dân cư bản địa, khách du lịch, là nơi diễn ra các hoạt động văn hóa, tâm linh của cộng đồng. Mặt khác, giá trị *vị trí của di sản* như nằm tại vị trí có giá trị lịch sử, trên tuyến du lịch, các đường trục chính, là cụm di sản hay nằm riêng lẻ cũng có những thuận lợi, khó khăn cho việc khai thác các giá trị văn hóa và xã hội của di sản.

4.4. Giá trị về tính nguyên bản

Tính nguyên bản được lưu giữ rõ nét tới ngày nay như đình Định Công Thượng LNTT kim hoàn Định Công có Tam quan và Đại đình.

Tam quan xây kiểu 4 trụ. Toà Đại đình bố cục theo kiểu chữ "đình", Đại bái 5 gian và Hậu cung 3 gian. Đại bái xây theo kiểu tường hồi bit đốc, gồm 6 bộ vì, gian giữa làm kiểu chống rường bảy hiện phía trước, kèo kê suốt phía sau. Bốn vì còn lại làm kiểu vì kèo suốt trụ cột. Hậu cung làm kiểu chống rường giá chiêng, trang trí hoa dây, tích Phật, cánh sen, vân mây, tứ quý. Đình được trùng tu, tu bổ nhiều lần qua nhiều thời kỳ lịch sử. Lưu giữ được nhiều các giá trị về không gian, kiến trúc truyền thống thời kỳ Lê Trung Hưng, thế kỷ thứ XVII. Được Bộ Văn hóa - Thông tin xếp hạng di tích kiến trúc nghệ thuật năm 1994.

Đình/Chùa làng Bát Tràng	- Giá trị về tính nguyên bản kiến trúc, tính nguyên bản nội thất, tính nguyên bản về công năng sử dụng;		
	- Giá trị tỷ lệ ngôi nhà theo kiểu truyền thống, giá trị các bộ phận công trình, giá trị về nghệ thuật và MT trang trí;		
	- Giá trị kỹ thuật xây dựng truyền thống và giá trị của vật liệu xây dựng truyền thống.		

Hình 7. Giá trị về tính nguyên bản, giá trị thẩm mỹ, giá trị kỹ thuật và vật liệu xây dựng của di sản công trình công cộng

Hay như Chùa Kim Trúc, làng gốm Bát Tràng được trùng tu tôn tạo năm 1999, bằng sức dân, làng phục dựng "Kim Trúc Tự" theo hình bóng ngôi chùa xưa kia và kết hợp hài hòa với chùa Am (Tập Phúc Am) trở thành cụm công trình di tích văn hóa, tôn giáo, với nhiều văn vật cổ, kết hợp hài hòa với các sản phẩm mới, tài hoa của người thợ gốm Bát Tràng, các công trình của chùa tạo thành một tổng thể hợp lý và hoàn thiện. Vừa mang tính triết lý của Đạo Phật, vừa mang đặc thù riêng của một làng nghề gốm sứ truyền thống. Chùa có cấu trúc kiến trúc truyền thống, chùa chính hình chữ công, gồm Tiền đường nối Thượng điện bằng Thiêu hương. Tiền đường có 5 gian 2 dĩ, có hiên rộng, đỡ mái bằng 6 cột đá, khắc câu đối. Có 2 hộ pháp, có đại tự "Bảo Minh Điện". Thượng điện thờ Phật được bố cục thành nhiều lớp. Nối tiền đường với nhà Tổ là hai hành lang, thờ Thập Bát La Hán, mái ngói, nếp gỗ, gác trên cột đá, mặt cột chạm khắc nhiều câu đối có giá trị. Chùa được xây dựng quy mô vào thời Lê Thuần Tông - Long Đức Thứ Tư, hoàn thành đời Lê Ý Tông - Vinh hựu Nguyên niên (1734 - 1735), năm 1942, một phần chùa Bát bị lở xuống sông Hồng do lũ lụt. Năm 1958, khi đào đại thủy nông Bắc Hưng Hải, chùa phải dỡ, phế tích được chuyển vào chùa Am.

Tính nguyên bản có các giá trị đặc trưng, bao gồm các giá trị về tính nguyên bản kiến trúc, tính nguyên bản nội thất, tính nguyên bản về công năng sử dụng: Là giá trị mang yếu tố lịch sử thời kỳ đầu công trình được xây dựng, và các thời kỳ tồn tại của di sản (bao gồm thẩm mỹ, kỹ thuật xây dựng, kỹ thuật chế tác và kỹ thuật sản xuất vật liệu,...); giá trị tiêu biểu về kiến trúc nghệ thuật của một hay nhiều giai đoạn lịch sử; là nhân chứng, là tư liệu, những cơ sở phân ảnh lịch sử của làng nghề (hình 7).

Việc nhận diện đầy đủ 3 yếu tố về giá trị: *Tính nguyên bản kiến trúc, Tính nguyên bản nội thất, Tính nguyên bản về công năng sử dụng* chính là giá trị về tính nguyên bản của DSKT công cộng LNTT.

4.5. Giá trị thẩm mỹ

Giá trị thẩm mỹ được thể hiện qua tỷ lệ giữa các bộ phận, chi tiết và cấu trúc của ngôi nhà. Nhìn từ phía ngoài mái nhà truyền thống miền Bắc có tỉ lệ đồ sộ, chiếm 2/3 chiều cao công trình, 4 góc xòe rộng, uốn lượn nhẹ nhàng, đặt trên hệ cột to khỏe, vững chắc. Đây là giá trị tỷ lệ ngôi nhà truyền thống.

Hiện nay, các công trình kiến trúc công cộng truyền thống; các LNTT Hà Nội; các đình làng; gồm sứ Bát Tràng, kim hoàn Định Công, lụa Vạn Phúc, ..., vẫn giữ được nét cổ kính, thâm nghiêm, có kiến trúc độc đáo với các lớp ngói đao cong uốn lượn duyên dáng vừa được chạm trổ phong phú rồng bay, phượng múa, lân châu, quy đội thư, nghê vờn cầu... rất tinh xảo. Nghệ thuật điêu khắc, trang trí kiến trúc đình làng, chùa, đền là sự tập trung và phát huy cao độ các kỹ thuật chạm nổi, chạm kênh bong, chạm lõng, chạm thủng, ... từ đó tạo hiệu quả thẩm mỹ về không gian, hình khối. Mỗi tác phẩm chạm khắc đều được tạo tác bởi đôi bàn tay tài hoa của người nghệ sĩ dân gian thâm đắm tinh thần, bản sắc văn hóa làng xã Việt Nam.

Như vậy, các giá trị thẩm mỹ các DSKT truyền thống có thể khái quát như sau: Hệ thống cấu trúc vững vàng, tính toán sắp đặt khoa học, thống nhất về vật liệu; bố cục hài hòa, có điểm nhấn, tương xứng với tỷ lệ không gian và tâm vóc của người Việt; phong cách giản dị, khiêm nhường, nhẹ nhàng, khoáng đạt, phù hợp với phong tục, tập quán và khí hậu; tổ chức không gian nội, ngoại thất phản ánh các quan niệm/ triết lý của nhân sinh, của tôn giáo - tín ngưỡng và văn hóa truyền thống từng làng nghề (hình 7).

Nhận diện các giá trị thẩm mỹ di sản công trình kiến trúc công cộng truyền thống các LNTT Hà Nội là nhận diện các giá trị: *Giá trị tỷ lệ ngôi nhà theo kiểu truyền thống, giá trị các bộ phận công trình, giá trị về nghệ thuật và mỹ thuật trang trí.*

4.6. Giá trị về kỹ thuật và vật liệu xây dựng

Giá trị về kỹ thuật xây dựng ngôi nhà thể hiện qua việc lắp dựng ngôi nhà bằng phương pháp thủ công truyền thống. Bộ khung kết cấu gỗ khớp nối bằng mộng cực kỳ linh hoạt, có thể tháo dỡ lắp ở vị trí mới. Tính đơn giản, thống nhất, tính điển hình và tính tiêu chuẩn thấy rõ trong bộ khung gỗ chịu lực của công trình. Hệ kết cấu gỗ, liên kết bằng mộng: Cột, xà, kèo, bẩy, bộ vì kèo chống giương hay giá chiêng, hoặc giá chiêng kết hợp chống giương.

Vật liệu xây dựng chủ yếu là vật liệu thiên nhiên tại địa phương hoặc các địa phương lân cận với các loại vật liệu bền, đẹp và độc đáo như sỏi, đá, tre, nứa, gỗ, ... Các vật liệu xây dựng truyền thống có nguồn gốc từ thiên nhiên, được hình thành qua công nghệ chế tác như gốm, sứ, gạch nung, đồ tráng men, ... cũng là những vật liệu không thể thiếu góp phần kiến tạo nên các công trình. Mặt khác, giá trị của vật liệu xây dựng ngoài kiến tạo nên công trình di sản còn góp phần vào công tác nghiên cứu, phát triển ngành vật liệu xây dựng ngày nay cũng như góp phần xác định niên đại xây dựng công trình hay nền văn hóa lịch sử của dân tộc (hình 7).

Như vậy, nhận diện giá trị về kỹ thuật và vật liệu xây dựng, chúng ta cần nhận diện 02 giá trị sau: *Giá trị kỹ thuật xây dựng truyền thống và giá trị của vật liệu xây dựng truyền thống.*

4.7. Giá trị cảnh quan và tạo lập môi trường sinh thái

Giá trị cảnh quan trong kiến trúc LNTT tại Hà Nội thể hiện sự hài hòa giữa kiến trúc và môi trường tự nhiên xung quanh. Những CTKTCC thường được bố trí cạnh các không gian xanh gần ao, hồ, cây cối, và sân vườn tạo thành một quần thể hài hòa. Các công trình này có thể là một công trình độc lập hoặc một quần thể kiến trúc.

Kiến trúc cảnh quan các thiết chế văn hóa đình, chùa, đền, ... của các LNTT Hà Nội không nằm ngoài các nguyên tắc tạo lập cảnh quan

các làng lịch sử của vùng ĐBBB với các giá trị bất biến “cây đa, bến nước, sân đình” đã đi vào đời sống, văn hóa người dân nơi đây từ ngàn năm. Bắt đầu là việc chọn thế đất, đây là điều tối quan trọng ảnh hưởng về lâu dài đến cả cộng đồng làng xã. Dựa vào thủy địa lý và cơ sở dịch học, người ta tính toán tìm địa điểm sao cho hội tụ được nhiều mạch đất dòng khí tươi tốt bổ trợ cho kiến trúc công trình, với mong muốn cho cộng đồng dân cư mãi mãi hưng thịnh. Người xưa quen gọi phương pháp chọn đất dựng nhà là thuyết “phong thủy”.

Vị trí được lựa chọn thường hài hòa với cảnh quan xung quanh, hay nói một cách dân dã là “khu đất đẹp”. Tùy địa hình địa mạo của vị trí lựa chọn kết hợp với các hình thái tự nhiên, núi đồi, hồ ao, sông suối, tức là kiểu đất, thế đất để quyết định phương án xây cất các công trình kiến trúc. Với triết lý “tựa sơn, hướng thủy” các công trình di sản được người xưa lựa chọn đều có mặt tiền tòa chính hướng ra sông, ao, hồ. Đình, chùa, đền làng gồm Bát Tràng đều hướng ra sông Hồng, làng kim hoàn Định Công là sông Tô Lịch, làng lụa Vạn Phúc là sông Nhuệ. Phong cảnh tự nhiên tô điểm cho công trình kiến trúc, tạo nên các giá trị cảnh quan ngoài khuôn viên các công trình.



Hình 8. Giá trị cảnh quan và tạo lập môi trường sinh thái của di sản công trình công cộng các LNTT Hà Nội

Không gian trong khuôn viên là không gian ngoài việc thừa hưởng từ tự nhiên còn có sự sắp xếp, sắp đặt của con người. Tùy theo chức năng sử dụng: Chùa và đền luôn tạo nên vẻ trang trọng thâm nghiêm bởi yêu cầu thờ cúng và tu hành đạo pháp cần yên tĩnh; đình làng là không gian mở, luôn gắn kết vào đời sống sinh hoạt chung của làng. Các DSKT công cộng LNTT Hà Nội thường là có diện tích khuôn viên rộng đáng kể, mặc dù ít nhiều bị xâm lấn bởi quá trình đô thị hóa. Qua khảo sát thì các khuôn viên này góp phần không nhỏ vào việc tạo lập cảnh quan, môi trường sinh thái, bởi phần lớn diện tích di sản là không gian xanh, mặt nước: như ao, hồ; hệ thống xanh: cây cổ thụ, cây ăn quả, vườn rau, vườn thuốc, vườn cảnh, ... tạo nên sự phong phú đa dạng các loài thực vật, sinh vật trú ngụ. Điển hình là làng nghề lụa Vạn Phúc khuôn viên đình, đền, chùa có tổng diện tích còn lại trên 1,0 ha, miếu thờ Thành Hoàng A Lã Đề Nương diện tích khoảng trên 3900m² mặc dù có niên đại hơn nghìn năm có lẽ và được coi như là phổi xanh của làng.

Giá trị cảnh quan, môi trường khuôn viên đình, đền, chùa là yếu tố cây xanh bản địa (cây bóng mát, cây phong thủy, cây ăn quả, cây thuốc, cây cho sắc, cho hương, ...). Các loài thực vật bản địa thể hiện được sức hấp dẫn và nét đặc trưng của địa phương như: Cây bóng mát có sanh, si, đa, bồ đề; cây ăn quả có nhãn, bưởi, sấu, chuối, ... là những loại cây mang đậm dấu ấn của các vùng làng quê Việt Nam. Lợi ích của các loại cây bản địa là: Tăng tính thẩm mỹ cho công trình, không có tính xâm lấn, khả năng sinh trưởng mạnh mẽ, chống chịu sâu bệnh tốt, khôi phục hệ sinh thái (hình 8).

Như vậy, về nhận diện giá trị cảnh quan và tạo lập môi trường sinh thái chúng ta có 04 giá trị thành phần để nhận diện là: *Giá trị cảnh quan trong khuôn viên và giá trị cảnh quan ngoài khuôn viên*

công trình, cân bằng sinh thái và đa dạng sinh học, cân bằng môi trường ở và môi trường tự nhiên.

5. ĐỀ XUẤT CÁC NHÓM GIÁ TRỊ, CÁC GIÁ TRỊ CHO NHẬN DIỆN DSKT CÔNG CỘNG CÁC LNTT TẠI HÀ NỘI

Bảng 3: Nhận diện giá trị DSKT công cộng truyền thống các LNTT tại Hà Nội

SỐ TT	Giá trị cơ bản/ Giá trị thành phần	
A.	Nhóm nhận diện giá trị bản thân công trình	
I.	Giá trị niên đại (ND)	1/. Thời gian khởi dựng 2/. Thời gian lịch sử của công trình
II.	Giá trị văn hoá-xã hội (VX)	3/. Khả năng thu hút cộng đồng 4/. Vị trí lịch sử, vị trí quần thể công trình, công trình
III.	Giá trị về tính nguyên bản (NB)	5/. Tính nguyên bản kiến trúc 6/. Tính nguyên bản nội thất 7/. Tính nguyên bản về công năng sử dụng
IV.	Giá trị thẩm mỹ (TM)	8/. Giá trị tỷ lệ ngôi nhà theo kiểu truyền thống 9/. Giá trị các bộ phận công trình
V.	Giá trị về kỹ thuật và vật liệu xây dựng (KV)	10/. Giá trị về kỹ thuật xây dựng 11/. Giá trị về vật liệu xây dựng
B.	Nhóm các yếu tố làm gia tăng giá trị công trình	
VI.	Giá trị sử dụng (SD)	12/. Giá trị sử dụng gốc 13/. Giá trị sử dụng của công trình hiện nay
VII.	Giá trị cảnh quan và tạo lập môi trường sinh thái (CQ-ST)	14/. Cảnh quan trong khuôn viên công trình 15/. Cảnh quan ngoài khuôn viên công trình 16/. Cân bằng sinh thái và đa dạng sinh học 17/. Cân bằng môi trường sống và MT tự nhiên

6. KẾT LUẬN

DSKT trong LNTT mang giá trị lịch sử, văn hóa, xã hội và thẩm mỹ, góp phần định hình bản sắc kiến trúc dân tộc và minh chứng cho lịch sử phát triển của làng xã nói riêng và dân tộc Việt Nam nói chung. Nhận diện GTDS kiến trúc là công việc hết sức quan trọng cùng với việc đánh giá GTDS, là cơ sở khoa học cốt lõi để đề xuất các giải pháp bảo tồn và phát huy GTDS một cách hiệu quả.

Trong quá trình nghiên cứu nhận diện các GTDS cần phải cẩn trọng, coi trọng tất cả các giá trị, không coi nhẹ hoặc bỏ qua bất cứ giá trị nào. Quá trình đánh giá và quá trình thực hiện bảo tồn di sản rất cần sự thay đổi trong nhận thức từ các nhà quản lý, nhà khoa học, chính quyền sở tại cũng như người dân làng nghề đều được tham gia một cách sâu rộng.

Để nhận diện các GTDS kiến trúc công cộng các LNTT tại Hà Nội. Nghiên cứu đã đề xuất 02 nhóm giá trị, 07 giá trị chính, cơ bản với 17 giá trị thành phần. Trong đó **02 nhóm nhận diện các giá trị là: Nhóm nhận diện giá trị bản thân công trình; nhóm nhận diện các yếu tố làm gia tăng giá trị công trình di sản; 07 giá trị nhận diện chính, cơ bản: Giá trị niên đại/ giá trị sử dụng/ giá trị văn hoá và xã hội/ giá trị về tính nguyên bản/ giá trị thẩm mỹ/ giá trị về kỹ thuật và vật liệu xây dựng/ giá trị cảnh quan và tạo lập môi trường sinh thái; với 17 giá trị thành phần bao gồm: Thời gian khởi dựng/ thời gian lịch sử của công trình/ Khả năng thu hút cộng đồng/ vị trí lịch sử, vị trí quần thể công trình, công trình/ tính nguyên bản kiến trúc/ tính nguyên bản nội thất/ tính nguyên bản về công năng sử dụng/ giá trị tỷ lệ ngôi nhà theo kiểu truyền thống/ giá trị các bộ phận công trình/ giá trị về kỹ thuật xây dựng/ giá trị về vật liệu xây dựng/ giá trị sử dụng gốc/ giá trị sử dụng của công trình hiện nay/ cảnh quan trong khuôn viên công trình/ cảnh quan ngoài khuôn viên công trình/ cân bằng sinh thái và đa dạng sinh học/ cân bằng môi trường sống và môi trường tự nhiên.**

Khi định hướng bảo tồn công trình kiến trúc công cộng truyền thống trong các LNTT, một giải pháp hiệu quả là tích hợp phát triển bền vững với bảo tồn. Giải pháp này không chỉ bảo tồn các giá trị

Căn cứ vào các lý luận về nhận diện giá trị của di sản hiện nay, các quan điểm, nguyên tắc để ra, các nhận định, phân tích ở trên. Để nhận diện GTDS kiến trúc công cộng các LNTT tại Hà Nội, Tác giả đề xuất 02 nhóm nhận diện giá trị với 07 giá trị cơ bản cùng 17 giá trị thành phần để nhận diện giá trị của các công trình kiến trúc công cộng truyền thống tại các LNTT của Hà Nội (bảng 3).

kiến trúc, văn hóa, lịch sử mà còn phát triển kinh tế và xã hội địa phương thông qua, giáo dục, du lịch bền vững và các hoạt động sản xuất phù hợp. Điều này giúp giữ gìn các DSKT, đồng thời tạo nguồn thu nhập cho cộng đồng để duy trì di sản. Giải pháp này cũng đảm bảo rằng các công trình DSKT đáp ứng nhu cầu hiện đại, tạo sự hài hòa giữa quá khứ và hiện tại, đồng thời bảo vệ môi trường. Lựa chọn giải pháp này thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội và môi trường, tạo ra một mô hình bảo tồn bền vững cho các DSKT tại các LNTT.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Cao Thị Hải Bắc (2020), "Phương án bảo tồn không gian làng trong lòng đô thị trung tâm tỉnh Bắc Ninh (Tham khảo mô hình bảo tồn làng Hahoe của Hàn Quốc)", Tạp chí Nghiên cứu nước ngoài - Đại học quốc gia, Hà Nội. Tập 36, số 2 (2020) Tr 43-57.
 [2] Cục Thống kê TP Hà Nội (2023), *Niên giám Thống kê*, NXB Thống kê, Hà Nội.
 [3] Trần Quốc Bảo (2018), "Xây dựng hệ thống tiêu chí đánh giá di sản kiến trúc Pháp thuộc ở Hà Nội", Tạp chí Kiến trúc, Hà Nội. <https://www.tapchikientruc.com.vn/chuyen-muc/xay-dung-thong-tieu-chi-danh-gia-di-san-kien-truc-phap-thuoc-o-ha-noi.html>
 [4] Đoàn Bá Cử (2003), "Hệ thống giá trị đặc trưng và nguyên tắc định hướng tu bổ di tích kiến trúc Việt", Tạp chí Di sản Văn hóa, Hà Nội. Số 3 (2003) Tr 93-97.
 [5] Phạm Hùng Cường (2018), "Nhận diện giá trị di sản trong công tác bảo tồn", Tạp chí Kiến trúc, Hà Nội. Số 282 (10/2018) Tr 26-30.
 [6] Mai Thế Hồn (2000), *Phát triển làng nghề truyền thống trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở vùng ven Thủ đô Hà Nội*, Luận án tiến sỹ, Hà Nội.
 [7] Bách Hợp (2024), "Bảo tồn và phát triển không gian kiến trúc làng nghề truyền thống", Tạp chí Kiến trúc Việt Nam, Hà Nội. <https://vietnamarchi.vn/bao-ton-va-phat-trien-khong-gian-kien-truc-lang-nghe-truyen-thong-1042.html>
 [8] Lê Thị Minh Lý (2003), "Làng, nghề và việc bảo tồn các giá trị văn hóa phi vật thể", Tạp chí Di sản Văn hóa, Hà Nội. Số 4 (2003) Tr 68-71.
 [9] Trần Quốc Vương, Đỗ Thị Hào (2024), *Làng nghề, phố nghề Thăng Long - Hà Nội*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội. 384 trang.
 [10] Trần Quốc Vương (Chủ biên) (2005), *Cơ sở Văn hóa Việt Nam*, NXB Giáo dục Hà Nội. 309 trang.